

Dự thảo

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành quy định về thu gom, vận chuyển, xử lý
chất thải rắn xây dựng, bùn thải từ bể phốt, hầm cầu và bùn thải
từ hệ thống thoát nước trên địa bàn tỉnh Nghệ An**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường ngày 11 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải;

Căn cứ Nghị định số 98/2019/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định thuộc lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 2 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường và Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Thông tư số 04/2015/TT-BXD ngày 03 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số

80/2014/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số /TTr-SNNMT ngày tháng năm 2026;

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định quy định về thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn xây dựng, bùn thải từ bể phốt, hầm cầu và bùn thải từ hệ thống thoát nước trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn xây dựng, bùn thải từ bể phốt, hầm cầu và bùn thải từ hệ thống thoát nước trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày tháng năm 2026.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các phường, xã; các cơ quan, đơn vị và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh
- Trung tâm Tin học - Công báo tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, NN (.....).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

QUY ĐỊNH

Về quản lý chất thải rắn xây dựng, bùn thải từ bể phốt, hầm cầu và bùn thải từ hệ thống thoát nước trên địa bàn tỉnh Nghệ An

(Kèm theo Quyết định số /2026/QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định chi tiết việc phân loại, thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn xây dựng, bùn thải từ bể phốt, hầm cầu và bùn thải từ hệ thống thoát nước; trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc quản lý chất thải rắn xây dựng, bùn thải từ bể phốt, hầm cầu và bùn thải từ hệ thống thoát nước trên địa bàn tỉnh.

2. Chất thải rắn xây dựng, bùn thải từ hệ thống thoát nước là chất thải nguy hại không thuộc phạm vi điều chỉnh của Quy định này.

3. Những nội dung không quy định tại Quy định này được thực hiện theo Nghị định số 80/2014/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 98/2019/NĐ-CP, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP, Thông tư số 04/2015/TT-BXD, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT và Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT và quy định pháp luật khác có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các cơ quan, đơn vị, tổ chức và hộ gia đình, cá nhân (sau đây viết tắt là tổ chức, cá nhân) có hoạt động liên quan đến phát sinh, thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn xây dựng trong quá trình khảo sát, thi công xây dựng mới, sửa chữa, cải tạo, di dời, tu bổ, phục hồi, phá dỡ, bảo hành, bảo trì công trình xây dựng và bùn thải từ bể phốt, hầm cầu, bùn thải từ hệ thống thoát nước trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy định này, các từ ngữ được hiểu như sau:

1. Chất thải rắn xây dựng là chất thải rắn phát sinh trong quá trình khảo

sát, thi công xây dựng (bao gồm công trình xây dựng mới, sửa chữa, cải tạo, di dời, tu bổ, phục hồi, phá dỡ, bảo hành và bảo trì công trình xây dựng).

2. Chất thải rắn xây dựng thông thường là chất thải rắn xây dựng không thuộc danh mục chất thải nguy hại và không thuộc danh mục chất thải công nghiệp phải kiểm soát theo quy định tại mã chất thải 11 - Chất thải xây dựng và phá dỡ (kể cả đất đào từ các khu vực bị ô nhiễm) Mục C Mẫu số 01 Phụ lục III Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

3. Bùn thải từ bể phốt (còn gọi là bể tự hoại), hầm cầu là bùn hữu cơ hoặc vô cơ được nạo vét, thu gom từ các bể tự hoại và nhà vệ sinh công cộng.

4. Điểm tập kết chất thải rắn xây dựng là điểm tập kết tập trung chất thải rắn xây dựng sau khi được phân loại để lưu giữ trước khi chuyển về cơ sở xử lý hoặc chuyển giao cho các tổ chức, cá nhân có nhu cầu tái chế, tái sử dụng.

5. Chủ nguồn thải chất thải rắn xây dựng là tổ chức, cá nhân có phát sinh hoặc được giao quản lý, điều hành cơ sở phát sinh chất thải rắn xây dựng.

6. Chủ nguồn thải bùn thải từ bể phốt, hầm cầu là tổ chức, cá nhân phát sinh bùn thải từ bể phốt, hầm cầu.

7. Chủ nguồn thải bùn thải từ hệ thống thoát nước là chủ sở hữu hệ thống thoát nước trong trường hợp chủ sở hữu trực tiếp quản lý, vận hành công trình hoặc là đơn vị thoát nước thực hiện theo hợp đồng quản lý, vận hành hệ thống thoát nước đã được ký kết với chủ sở hữu hệ thống thoát nước.

8. Chủ vận chuyển chất thải rắn xây dựng, bùn thải từ hầm cầu, bể phốt, bùn thải từ hệ thống thoát nước là tổ chức, cá nhân có chức năng thực hiện dịch vụ thu gom, vận chuyển chất thải rắn xây dựng, bùn thải từ hầm cầu, bể phốt, bùn thải từ hệ thống thoát nước theo quy định của pháp luật.

9. Chủ xử lý chất thải rắn xây dựng, bùn thải từ bể phốt, hầm cầu, bùn thải từ hệ thống thoát nước là tổ chức, cá nhân có chức năng thực hiện dịch vụ xử lý chất thải rắn xây dựng, bùn thải từ hầm cầu, bể phốt, bùn thải từ hệ thống thoát nước theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Nguyên tắc quản lý

1. Quản lý chất thải rắn xây dựng, bùn thải từ bể phốt, hầm cầu và bùn thải từ hệ thống thoát nước tuân thủ các nguyên tắc chung về bảo vệ môi trường trong hoạt động xây dựng và quản lý chất thải rắn công nghiệp thông thường quy định tại Điều 64, Điều 81, Điều 82 Luật Bảo vệ môi trường, khoản 25 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan.

2. Khi thiết kế công trình khuyến khích áp dụng công nghệ mới, tiên tiến,

có tính kết nối, sử dụng các loại vật liệu có khả năng tái sử dụng, tái chế nhằm hạn chế tối đa lượng chất thải rắn xây dựng phát sinh.

3. Khuyến khích việc tái sử dụng, tái chế, xử lý chất thải rắn xây dựng tại nơi phát sinh với quy trình công nghệ phù hợp, đảm bảo các yêu cầu về an toàn, môi trường, phù hợp xu thế chuyển dịch nền kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn.

4. Khuyến khích việc xã hội hóa công tác thu gom, vận chuyển, tái sử dụng, tái chế, xử lý chất thải rắn xây dựng, bùn thải từ bể phốt, hầm cầu và bùn thải từ hệ thống thoát nước.

5. Khuyến khích cộng đồng dân cư tham gia giám sát việc thực hiện các quy định quản lý chất thải rắn xây dựng, bùn thải từ bể phốt, hầm cầu và bùn thải từ hệ thống thoát nước trên địa bàn.

Điều 5. Hành vi bị nghiêm cấm

1. Thải bỏ chất thải rắn xây dựng không đúng nơi quy định, làm mất cảnh quan, trái quy định pháp luật bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan.

2. Thải bỏ bùn thải từ bể phốt, hầm cầu và bùn thải từ hệ thống thoát nước chưa qua xử lý ra môi trường xung quanh.

3. Sử dụng các phương tiện gây rò rỉ bùn thải và phát sinh mùi hôi trong quá trình vận chuyển.

4. Cản trở việc kiểm tra, thanh tra hoạt động thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn xây dựng, bùn thải từ bể phốt, hầm cầu và bùn thải từ hệ thống thoát nước.

5. Các hành vi khác vi phạm quy định của pháp luật về thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn xây dựng, bùn thải từ bể phốt, hầm cầu và bùn thải từ hệ thống thoát nước.

Chương II

PHÂN LOẠI, LƯU GIỮ, THU GOM, VẬN CHUYỂN, XỬ LÝ CHẤT THẢI RẮN XÂY DỰNG

Điều 6. Phân loại, lưu giữ chất thải rắn xây dựng

1. Phân loại chất thải rắn xây dựng:

a) Chất thải rắn xây dựng, phải được phân loại ngay tại nơi phát sinh theo quy định tại khoản 3, điểm d, đ, e, g khoản 5, khoản 6 và khoản 7 Điều 64 Luật Bảo vệ môi trường và theo Danh mục chất thải xây dựng và phá dỡ quy định tại mã chất thải 11 Mục C Mẫu số 01 Phụ lục III Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, gồm các loại sau đây:

- Chất thải rắn xây dựng được tái sử dụng, tái chế;
- Chất thải rắn xây dựng đáp ứng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, hướng dẫn kỹ thuật được sử dụng làm nguyên liệu sản xuất vật liệu xây dựng, san lấp mặt bằng tại chỗ và sử dụng trong các công trình xây dựng khác;
- Chất thải rắn xây dựng phải xử lý.

b) Chất thải rắn xây dựng sau khi phân loại không được để lẫn với các chất thải khác và phải được lưu giữ riêng theo quy định. Trong trường hợp chất thải rắn xây dựng thông thường có lẫn với chất thải nguy hại thì phải thực hiện việc phân tách phần chất thải nguy hại. Nếu không thể tách được thì toàn bộ hỗn hợp thải phải được quản lý như chất thải nguy hại.

2. Lưu giữ chất thải rắn xây dựng:

a) Khi tiến hành thi công xây dựng công trình, chủ nguồn thải phải bố trí thiết bị và khu vực lưu giữ chất thải rắn xây dựng trong khuôn viên công trình hoặc tại địa điểm theo quy định.

b) Chất thải rắn xây dựng đã được phân loại phải được lưu giữ riêng theo từng thiết bị, khu vực riêng. Thiết bị, khu vực lưu giữ chất thải rắn xây dựng phải bố trí ở nơi tránh bị ngập nước, tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào hoặc chất thải chảy tràn ra xung quanh; không làm phát tán bụi ra môi trường; không gây cản trở giao thông của khu vực, đảm bảo mỹ quan khu vực và các quy định pháp luật khác có liên quan;

c) Đất, đá, bùn thải quy định tại điểm d, điểm đ khoản 5 Điều 64 Luật Bảo vệ môi trường được vận chuyển trực tiếp đến địa điểm, cơ sở để tái sử dụng làm vật liệu xây dựng, san lấp mặt bằng, sử dụng để bồi đắp cho đất trồng cây hoặc các khu vực đất phù hợp;

d) Thời gian lưu giữ chất thải rắn xây dựng phù hợp theo đặc tính của loại chất thải và quy mô, khả năng lưu chứa của thiết bị, khu vực lưu giữ, quy hoạch sử dụng đất của khu vực.

Điều 7. Thu gom, vận chuyển chất thải rắn xây dựng

Chất thải rắn xây dựng được thu gom, vận chuyển theo quy định tại điểm b khoản 5, khoản 6 và khoản 7 Điều 64, khoản 5 Điều 81 Luật Bảo vệ môi trường, khoản 25 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường và các quy định sau:

1. Tuyến đường, thời gian vận chuyển chất thải rắn xây dựng thực hiện theo Quyết định số 02/2023/QĐ-UBND ngày 06 tháng 01 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An quy định về tuyến đường, thời gian vận chuyển chất thải nguy hại và chất thải rắn công nghiệp thông thường phải xử lý trên các tuyến đường thuộc địa bàn tỉnh Nghệ An và các tuyến đường khác đã được cấp có

thẩm quyền quy định.

2. Phương tiện vận chuyển chất thải rắn xây dựng phải đáp ứng yêu cầu kỹ thuật về bảo vệ môi trường quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 và 5 Điều 34 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, khoản và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

3. Chuyển giao chất thải rắn xây dựng giữa chủ nguồn thải, chủ vận chuyển và chủ xử lý phải được lập biên bản bàn giao theo biểu mẫu quy định tại Mẫu số 03 Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

4. Trong trường hợp chủ nguồn thải tự vận chuyển chất thải rắn xây dựng thì phải tuân thủ các quy định tại Điều này.

Điều 8. Điểm tập kết chất thải rắn xây dựng

1. Điểm tập kết chất thải rắn xây dựng được bố trí trong trường hợp chưa xác định được khu xử lý chất thải rắn xây dựng.

2. Chủ nguồn thải chất thải rắn xây dựng phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã để xác định điểm tập kết chất thải rắn xây dựng tạm thời và cam kết với Ủy ban nhân dân cấp xã về thời hạn sử dụng, hoàn trả lại mặt bằng sau khi sử dụng, không làm thay đổi hiện trạng sử dụng đất sau khi sử dụng.

3. Việc lựa chọn địa điểm phù hợp để làm điểm tập kết chất thải rắn xây dựng phải đáp ứng các yêu cầu sau:

a) Phải được bố trí tại các vị trí thuận tiện giao thông và bảo đảm hoạt động chuyên chở không gây ảnh hưởng tới môi trường và mỹ quan khu vực.

b) Có khả năng tiếp nhận và lưu giữ khối lượng chất thải rắn xây dựng phù hợp với sức chứa của điểm tập kết.

Điều 9. Tái sử dụng, tái chế, xử lý chất thải rắn xây dựng

1. Việc quản lý, xử lý chất thải rắn xây dựng phải thực hiện theo hồ sơ bảo vệ môi trường (quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc giấy phép môi trường hoặc giấy phép môi trường thành phần hoặc đăng ký môi trường) được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, tiếp nhận và các quy định về quản lý chất thải. Đối với hoạt động thi công xây dựng công trình xây dựng không yêu cầu hồ sơ bảo vệ môi trường, giấy phép xây dựng theo quy định thì chủ nguồn thải phải quản lý, xử lý chất thải rắn xây dựng theo quy trình, biện pháp xử lý phù hợp, an toàn và tuân thủ quy định pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Tái sử dụng, tái chế chất thải rắn xây dựng:

a) Chất thải rắn xây dựng được tái sử dụng, tái chế theo quy định tại khoản 3, các điểm b, d, đ, e, g khoản 5, khoản 6 và khoản 7 Điều 64 Luật Bảo vệ

môi trường;

b) Chất thải rắn xây dựng được tái sử dụng phải đáp ứng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, hướng dẫn kỹ thuật theo quy định.

3. Xử lý chất thải rắn xây dựng:

a) Chất thải không được tái sử dụng, tái chế phải được vận chuyển đến địa điểm xử lý chất thải rắn xây dựng được cấp có thẩm quyền phê duyệt, xác định;

b) Việc đầu tư cơ sở xử lý chất thải rắn xây dựng phải tuân thủ các quy định pháp luật về đầu tư, về đất đai, về xây dựng ... và các quy định của pháp luật có liên quan;

b) Công nghệ xử lý phù hợp với quy mô, công suất và điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương, đảm bảo các yêu cầu về bảo vệ môi trường và hiệu quả kinh tế - xã hội.

Điều 10. Trách nhiệm của chủ nguồn thải chất thải rắn xây dựng

1. Thực hiện phân loại, lưu giữ, tái sử dụng chất thải rắn xây dựng tại công trình xây dựng theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Quy định này hoặc chuyển giao để tái sử dụng, tái chế và xử lý cho các đối tượng sau:

a) Tổ chức, cá nhân tiếp nhận chất thải rắn xây dựng thông thường để tái sử dụng, tái chế, bồi đắp cho đất trồng cây hoặc các khu vực đất phù hợp theo quy định tại điểm d, điểm đ khoản 5 Điều 64 Luật Bảo vệ môi trường;

b) Cơ sở xử lý theo quy định tại điểm g khoản 5 Điều 64 Luật Bảo vệ môi trường;

c) Chủ vận chuyển có hợp đồng chuyển giao với tổ chức, cơ sở xử lý hoặc có xác nhận bằng văn bản của hộ gia đình, cá nhân quy định tại điểm a, điểm b khoản này.

2. Lập biên bản bàn giao chất thải rắn xây dựng theo quy định tại khoản 3 Điều 7 Quy định này.

3. Hộ gia đình, cá nhân tại vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa chưa có hệ thống thu gom chất thải khi tiến hành các hoạt động thi công xây dựng được thực hiện như sau:

a) Tái sử dụng chất thải rắn xây dựng thông thường làm vật liệu xây dựng, san lấp mặt bằng, bồi đắp cho đất trồng cây hoặc các khu vực đất phù hợp trong phạm vi diện tích đất sử dụng theo đúng quy định pháp luật;

b) Trường hợp không thực hiện theo điểm a khoản này phải đổ thải chất thải rắn xây dựng đúng vị trí được Ủy ban nhân dân xã chấp thuận, không được tự ý đổ thải chất thải rắn xây dựng ra đường, khu vực công cộng, ao hồ, sông,

suối, kênh rạch và các khu vực khác làm ảnh hưởng đến cảnh quan, môi trường.

Điều 11. Trách nhiệm của chủ cơ sở thu gom, vận chuyển chất thải rắn xây dựng

1. Phải có đủ thiết bị, phương tiện thực hiện thu gom, vận chuyển đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật, an toàn theo quy định.

2. Đáp ứng các yêu cầu về thu gom, vận chuyển và vận hành điểm tập kết (nếu có) chất thải rắn xây dựng theo quy định tại Điều 7, Điều 8 Quy định này và các quy định có liên quan. Chịu trách nhiệm khi có sự cố xảy ra trong quá trình thu gom, vận chuyển.

3. Chỉ tiếp nhận chất thải rắn xây dựng với tổ chức, cá nhân khi đã ký hợp đồng chuyển giao với các tổ chức, cơ sở xử lý hoặc có văn bản xác nhận của đối tượng là hộ gia đình, cá nhân quy định tại điểm a khoản 1 Điều 10 Quy định này.

4. Có hồ sơ, tài liệu theo dõi quản lý việc thu gom, vận chuyển chất thải rắn xây dựng, nội dung gồm: thông tin chung về chủ nguồn thải; số chuyến xe thực hiện dịch vụ thu gom, vận chuyển trong ngày/tháng của từng chủ nguồn thải; khối lượng, loại chất thải được thu gom, vận chuyển; địa điểm tiếp nhận xử lý (cơ sở xử lý; các cơ sở tái chế, tái sử dụng chất thải rắn xây dựng); các thông tin khác liên quan.

5. Xây dựng phương án, biện pháp xử lý và chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có sự cố môi trường xảy ra trong quá trình thu gom, vận chuyển chất thải.

6. Thực hiện các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật.

Điều 12. Trách nhiệm của chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải rắn xây dựng

1. Có hồ sơ môi trường được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền tiếp nhận, phê duyệt theo quy định.

2. Đầu tư xây dựng, trang bị đầy đủ các trang thiết bị, phương tiện và bố trí nhân lực đáp ứng năng lực tiếp nhận chất thải rắn xây dựng, đảm bảo các yêu cầu bảo vệ môi trường theo quy định.

3. Tiếp nhận và xử lý chất thải rắn xây dựng từ chủ nguồn thải hoặc từ chủ vận chuyển trên cơ sở hợp đồng vận chuyển, xử lý đã ký kết. Có hồ sơ, tài liệu để ghi nhận loại, khối lượng chất thải rắn xây dựng được vận chuyển đến hàng ngày có xác nhận giữa chủ vận chuyển và chủ xử lý.

4. Có hồ sơ, tài liệu theo dõi hoạt động xử lý chất thải rắn xây dựng, nội dung gồm: thông tin chung của các chủ nguồn thải, đơn vị thu gom, vận chuyển chất thải rắn xây dựng; khối lượng, thành phần chất thải rắn xây dựng được vận

chuyển đến hàng ngày của từng chủ nguồn thải hoặc đơn vị thu gom, vận chuyển.

5. Thực hiện đúng quy trình quản lý vận hành cơ sở xử lý; có các biện pháp an toàn lao động trong vận hành và bảo đảm sức khỏe cho người lao động.

6. Xây dựng phương án, biện pháp xử lý và chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có sự cố môi trường xảy ra trong quá trình xử lý chất thải.

7. Thực hiện các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật.

Chương III **THU GOM, VẬN CHUYỂN, XỬ LÝ Bùn THẢI** **TỪ BỂ PHỐT, HẦM CẦU**

Điều 13. Thu gom, vận chuyển và xử lý bùn thải từ bể phốt, hầm cầu

Yêu cầu thu gom, vận chuyển và xử lý bùn thải từ bể phốt, hầm cầu thực hiện theo quy định tại khoản 3, khoản 5 Điều 25 Nghị định số 80/2014/NĐ-CP và Điều 3 Thông tư số 04/2015/TT-BXD. Bùn thải từ bể phốt, hầm cầu phát sinh từ thi công xây dựng, cải tạo, sửa chữa, phá dỡ công trình xây dựng quản lý theo quy định về quản lý chất thải rắn công nghiệp thông thường quy định tại điểm e khoản 5 Điều 64, Điều 81, Điều 82 Luật Bảo vệ môi trường, khoản 25 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường. Một số nội dung quy định cụ thể như sau:

1. Tuyến đường, thời gian vận chuyển chất thải từ bể phốt, hầm cầu thực hiện theo Quyết định số 02/2023/QĐ-UBND và các tuyến đường khác đã được cấp có thẩm quyền quy định.

2. Phương tiện, trang thiết bị thông hút, thu gom và vận chuyển bùn thải từ bể phốt, hầm cầu phải đáp ứng các yêu cầu:

a) Xe tải bồn kín chuyên dụng được phép hoạt động theo quy định của pháp luật về giao thông, đáp ứng các yêu cầu về an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường theo quy định tại khoản 1, điểm đ khoản 2 Điều 3 Thông tư số 04/2015/TT-BXD và các quy định pháp luật khác có liên quan;

b) Thiết bị bơm, hút bùn thải từ bể phốt, hầm cầu phải đảm bảo không rò rỉ;

c) Có dòng chữ "VẬN CHUYỂN CHẤT THẢI" ở hai bên thành của phương tiện với chiều cao ít nhất là 15 cm, kèm theo tên cơ sở, địa chỉ, số điện thoại liên hệ; vật liệu và mực của các dòng chữ nêu trên không bị mờ và phai màu;

d) Có đầy đủ thiết bị và biện pháp kỹ thuật vệ sinh xe tại địa điểm thu gom, tại cơ sở trong thời gian lưu giữ và tại địa điểm xử lý sau khi chuyển giao

bùn thải từ bể phốt, hầm cầu đến địa điểm xử lý tập trung.

3. Bùn thải từ bể phốt, hầm cầu phải được vận chuyển đến tới các cơ sở xử lý theo quy định.

4. Yêu cầu về xử lý bùn thải từ bể phốt, hầm cầu:

a) Chuyển giao bùn thải từ bể phốt, hầm cầu giữa chủ nguồn thải, chủ vận chuyển và chủ xử lý thực hiện bằng hình thức hợp đồng và các hình thức khác theo quy định pháp luật hiện hành về quản lý chất thải và các quy định pháp luật khác có liên quan;

b) Việc xử lý bùn thải, tái sử dụng bùn thải bể phốt, hầm cầu phải tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường;

c) Không xả thẳng bùn thải từ bể phốt, hầm cầu ra môi trường (hệ thống thoát nước, ruộng đồng, sông hồ khe suối,...).

Điều 14. Trách nhiệm của chủ nguồn thải bùn thải từ bể phốt, hầm cầu

1. Quản lý bùn thải từ bể phốt, hầm cầu tại địa điểm phát sinh theo đúng quy định và chuyển giao cho các đối tượng sau:

a) Cơ sở xử lý có chức năng xử lý bùn từ bể phốt, hầm cầu theo quy định;

b) Chủ vận chuyển đã ký hợp đồng chuyển giao với cơ sở xử lý có chức năng xử lý bùn thải từ bể phốt, hầm cầu theo quy định tại điểm a khoản này.

2. Việc chuyển giao bùn thải từ bể phốt, hầm cầu giữa chủ nguồn thải và chủ vận chuyển, chủ xử lý thực hiện bằng biên bản bàn giao với các nội dung chính gồm: khối lượng, thời gian chuyển giao, loại phương tiện và biển kiểm soát của phương tiện vận chuyển, đơn vị xử lý, địa điểm xử lý. Chủ nguồn thải có quyền đề nghị đơn vị cung cấp dịch vụ vận chuyển cung cấp văn bản xác nhận của đơn vị cung cấp dịch vụ xử lý về việc đã tiếp nhận và xử lý bùn thải từ bể phốt, hầm cầu.

3. Thực hiện các trách nhiệm khác theo quy định pháp luật.

Điều 15. Trách nhiệm của chủ cơ sở thu gom, vận chuyển bùn thải từ bể phốt, hầm cầu

1. Đăng ký hoạt động kinh doanh theo quy định của pháp luật.

2. Đáp ứng các yêu cầu về thu gom, vận chuyển theo quy định tại Điều 13 Quy định này.

3. Thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Thông tư số 04/2015/TT-BXD và Điều 13 Quy định này.

4. Trường hợp đơn vị cung cấp dịch vụ thu gom, vận chuyển bùn thải từ

bể phốt, hầm cầu không có chức năng xử lý bùn thải từ bể phốt, hầm cầu thì phải có hợp đồng với chủ xử lý bùn thải từ bể phốt, hầm cầu để tiếp nhận và xử lý bùn thải từ bể phốt, hầm cầu theo đúng quy định. Việc chuyển giao bùn thải từ bể phốt, hầm cầu phải có nhật ký ghi rõ (thời gian, khối lượng, chủng loại chất thải chuyển giao, phương thức xử lý).

6. Xây dựng phương án, biện pháp xử lý và chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có sự cố môi trường xảy ra trong quá trình thu gom, vận chuyển chất thải.

7. Thực hiện các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật.

Điều 16. Trách nhiệm của chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý bùn thải từ bể phốt, hầm cầu

1. Có hồ sơ môi trường được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền tiếp nhận, phê duyệt theo quy định.

2. Thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo quy định tại khoản 3 Điều 3 Thông tư số 04/2015/TT-BXD, Điều 13 Quy định này và các quy định pháp luật khác có liên quan.

3. Đầu tư xây dựng, trang bị đầy đủ các trang thiết bị, phương tiện và bố trí nhân lực đáp ứng năng lực tiếp nhận bùn hầm cầu, đảm bảo các yêu cầu bảo vệ môi trường theo quy định.

4. Tiếp nhận và xử lý bùn thải từ bể phốt, hầm cầu trên cơ sở hợp đồng vận chuyển, xử lý đã ký kết. Có hồ sơ, tài liệu để ghi nhận khối lượng bùn thải từ bể phốt, hầm cầu được tiếp nhận hàng ngày.

5. Chuyển giao bùn thải từ bể phốt, hầm cầu giữa chủ nguồn thải, chủ vận chuyển và chủ xử lý phải được lập biên bản bàn giao theo biểu mẫu quy định tại Mẫu số 03 Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

6. Thực hiện đúng quy trình quản lý vận hành cơ sở xử lý; có các biện pháp an toàn lao động trong vận hành và bảo đảm sức khỏe cho người lao động.

7. Xây dựng phương án, biện pháp xử lý và chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có sự cố môi trường xảy ra trong quá trình xử lý chất thải.

8. Thực hiện các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật.

Chương IV

THU GOM, VẬN CHUYỂN, XỬ LÝ BÙN THẢI TỪ HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC

Điều 17. Thu gom, vận chuyển, xử lý bùn thải từ hệ thống thoát nước

1. Thu gom, vận chuyển bùn thải từ hệ thống thoát nước:

a) Bùn thải từ hệ thống thoát nước được thu gom, lưu giữ và vận chuyển đến các địa điểm xử lý theo quy hoạch hoặc các địa điểm đã được cơ quan có thẩm quyền cho phép để xử lý đảm bảo vệ sinh môi trường theo quy định; không được phép xả thải bùn thải chưa qua xử lý ra môi trường. Trong trường hợp bùn thải có các thành phần nguy hại thì phải được quản lý theo quy định về quản lý chất thải nguy hại;

b) Tuyến đường, thời gian và phương tiện vận chuyển bùn thải từ hệ thống thoát nước: thực hiện như quy định về tuyến đường, thời gian và phương tiện vận chuyển bùn thải từ bể phốt, hầm cầu tại Điều 13 Quy định này.

2. Xử lý bùn thải từ hệ thống thoát nước:

a) Phương án xử lý bùn thải từ hệ thống thoát nước:

- Đơn vị thoát nước lựa chọn phương án xử lý bùn thải từ hệ thống thoát nước phù hợp, được quy định tại khoản 1 Điều 2 Thông tư số 04/2015/TT-BXD;

- Trường hợp đơn vị thoát nước lựa chọn phương án xử lý bùn thải tại các khu xử lý bùn thải hoặc tại các cơ sở xử lý chất thải rắn theo quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì việc chuyển giao bùn thải giữa đơn vị thoát nước, chủ vận chuyển và chủ xử lý thực hiện bằng hình thức hợp đồng và các hình thức khác theo quy định pháp luật hiện hành về quản lý chất thải và các quy định pháp luật khác có liên quan.

b) Việc đầu tư cơ sở xử lý bùn thải phải tuân thủ các quy định pháp luật về đầu tư, đất đai, xây dựng và các quy định của pháp luật có liên quan;

c) Căn cứ thành phần, tính chất bùn thải, các điều kiện kinh tế, kỹ thuật, môi trường và điều kiện cụ thể của địa phương, Chủ đầu tư lựa chọn công nghệ xử lý bùn thải phù hợp theo quy định tại khoản 3 Điều 2 Thông tư số 04/2015/TT-BXD.

Điều 18. Trách nhiệm của chủ nguồn thải bùn thải từ hệ thống thoát nước

1. Đối với đơn vị thoát nước:

a) Tuân thủ quy định tại khoản 7 Điều 2 Thông tư số 04/2015/TT-BXD và Điều 17 Quy định này;

b) Việc chuyển giao bùn thải từ hệ thống thoát nước giữa chủ nguồn thải và chủ vận chuyển, chủ xử lý thực hiện bằng biên bản bàn giao với các nội dung chính: khối lượng, thời gian chuyển giao và xác nhận giữa các bên. Chủ nguồn thải có quyền đề nghị đơn vị cung cấp dịch vụ vận chuyển cung cấp văn bản xác nhận của đơn vị cung cấp dịch vụ xử lý về việc đã tiếp nhận và xử lý bùn thải từ hệ thống thoát nước.

2. Đối với chủ sở hữu hệ thống thoát nước:

a) Trường hợp chủ sở hữu hệ thống thoát nước hợp đồng với đơn vị thoát nước để quản lý, vận hành hệ thống thoát nước: tuân thủ quy định tại khoản 8 Điều 2 Thông tư số 04/2015/TT-BXD và Điều 17 Quy định này;

b) Trường hợp chủ sở hữu hệ thống thoát nước trực tiếp quản lý, vận hành hệ thống thoát nước của cơ sở: tuân thủ quy định tại khoản 8 Điều 2 Thông tư số 04/2015/TT-BXD và điểm a khoản 1 Điều này.

Điều 19. Trách nhiệm của chủ cơ sở thu gom, vận chuyển bùn thải từ hệ thống thoát nước

1. Đăng ký hoạt động kinh doanh theo quy định của pháp luật.
2. Chỉ ký hợp đồng thu gom, vận chuyển bùn thải từ hệ thống thoát nước khi chủ vận chuyển đã ký hợp đồng chuyển giao với cơ sở xử lý có chức năng theo quy định để xử lý.
4. Vận chuyển bùn thải từ hệ thống thoát nước đến cơ sở xử lý có chức năng theo quy định để xử lý.
5. Thực hiện biên bản chuyển giao bùn thải từ hệ thống thoát nước và đề nghị chủ xử lý xác nhận bằng văn bản đã tiếp nhận, xử lý bùn thải theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 18 Quy định này.
6. Xây dựng phương án, biện pháp xử lý và chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có sự cố môi trường xảy ra trong quá trình thu gom, vận chuyển chất thải.
7. Thực hiện các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật.

Điều 20. Trách nhiệm của chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý bùn thải từ hệ thống thoát nước

1. Có hồ sơ môi trường được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền tiếp nhận, phê duyệt theo quy định.
2. Tuân thủ quy định tại Điều 17 Quy định này và các quy định pháp luật khác có liên quan.
3. Đầu tư xây dựng, trang bị đầy đủ các trang thiết bị, phương tiện và bố trí nhân lực đáp ứng năng lực tiếp nhận bùn thải từ hệ thống thoát nước, đảm bảo các yêu cầu bảo vệ môi trường theo quy định.
4. Tiếp nhận và xử lý bùn thải từ hệ thống thoát nước trên cơ sở hợp đồng vận chuyển, xử lý đã ký kết. Có hồ sơ, tài liệu để ghi nhận khối lượng hệ thống thoát nước được tiếp nhận hàng ngày.
5. Thực hiện biên bản chuyển giao bùn thải từ hệ thống thoát nước và xác

nhận bằng văn bản đã tiếp nhận, xử lý bùn thải hệ thống thoát nước theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 18 Quy định này.

6. Thực hiện đúng quy trình quản lý vận hành cơ sở xử lý; có các biện pháp an toàn lao động trong vận hành và bảo đảm sức khỏe cho người lao động.

7. Xây dựng phương án, biện pháp xử lý và chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có sự cố môi trường xảy ra trong quá trình xử lý chất thải.

Chương V **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 21. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường:

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng, các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã, các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện các nội dung của Quy định này;

b) Thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, cấp giấy phép môi trường các dự án đầu tư xây dựng cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải rắn xây dựng, bùn thải từ bể phốt, hầm cầu, bùn thải từ hệ thống thoát nước theo quy định (trừ phạm vi trong Khu kinh tế Đông Nam Nghệ An và các khu công nghiệp);

c) Chủ trì, phối hợp với Ban Quản lý Khu kinh tế Đông Nam Nghệ An (trường hợp cơ sở nằm trên địa bàn Khu kinh tế Đông Nam và các Khu công nghiệp tỉnh Nghệ An), Ủy ban nhân dân cấp xã kiểm tra công tác bảo vệ môi trường của các dự án, các cơ sở cung cấp dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn xây dựng, bùn thải bể phốt, hầm cầu, bùn thải từ hệ thống thoát nước trên địa bàn tỉnh;

d) Phối hợp với Sở Tài chính và các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chính sách hỗ trợ đầu tư đối với nhà đầu tư có dự án đầu tư thuộc ngành nghề thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải trên địa bàn tỉnh;

đ) Báo cáo kết quả công tác quản lý rắn xây dựng, bùn thải bể phốt, hầm cầu, bùn thải từ hệ thống thoát nước hàng năm được tích hợp trong báo cáo công tác bảo vệ môi trường theo quy định tại Điều 118 Luật Bảo vệ môi trường và khoản 3 Điều 63 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT được sửa đổi tại khoản 6 Điều 2 Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT và khoản 4 Điều 26 Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT.

2. Sở Xây dựng:

a) Tổ chức lập, thẩm định theo phân cấp và quy định của pháp luật về quy hoạch thuộc lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật trên địa bàn tỉnh, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt;

b) Hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ quan, đơn vị có liên quan trong công tác lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch các điểm tập kết chất thải rắn xây dựng, khu xử lý chất thải rắn xây dựng, khu xử lý bùn thải từ bể phốt, hầm cầu, bùn thải từ hệ thống thoát nước theo quy định của pháp luật;

c) Thực hiện công tác thẩm định dự án, cấp Giấy phép xây dựng đối với các công trình, dự án đầu tư xây dựng khu xử lý chất thải rắn xây dựng, bùn thải bể phốt, hầm cầu, bùn thải từ hệ thống thoát nước trên địa bàn tỉnh theo phân cấp;

d) Hướng dẫn, tham mưu cấp có thẩm quyền xác định vật chất nạo vét, đất đào bóc trong thi công công trình dự án, chất thải rắn xây dựng đáp ứng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật để sử dụng trong sản xuất vật liệu xây dựng và san lấp mặt bằng;

đ) Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp xã hướng dẫn về tuyến đường, thời gian vận chuyển chất thải rắn xây dựng từ các điểm tập kết đến khu xử lý chất thải bảo đảm phù hợp với hạ tầng giao thông, an toàn giao thông và điều kiện thực tế của địa phương.

e) Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các dự án đầu tư xây dựng công trình xử lý chất thải rắn xây dựng, xử lý bùn thải từ bể phốt, hầm cầu, bùn thải từ hệ thống thoát nước trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật;

g) Chủ trì, phối hợp Sở Nông nghiệp và Môi trường, đơn vị liên quan hướng dẫn các phương tiện vận chuyển bùn thải từ bể phốt, hầm cầu lắp đặt các thiết bị định vị giám sát hành trình, cấp giấy phép kinh doanh vận tải và thường xuyên kiểm tra, giám sát trong quá trình hoạt động của phương tiện này;

h) Phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan kiểm tra việc thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường trong quản lý chất thải rắn xây dựng, quản lý bùn thải từ bể phốt, hầm cầu và bùn thải từ hệ thống thoát nước trên địa bàn tỉnh;

i) Phối hợp với Sở Tài chính và các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chính sách hỗ trợ đầu tư đối với nhà đầu tư có dự án đầu tư thuộc ngành nghề thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn xây dựng, bùn thải từ bể phốt, hầm cầu, bùn thải từ hệ thống thoát nước trên địa bàn tỉnh;

k) Cung cấp thông tin về thời gian, khu vực các đoạn, tuyến giao thông, các nút giao thông có mật độ cao, thường xuyên xảy ra tắc nghẽn giao thông cần hạn chế xe vận chuyển chất thải lưu thông cho Ủy ban nhân dân cấp xã; thông

báo kế hoạch cấm đường trước 5 (năm) ngày áp dụng đối với các tuyến đường được giao quản lý trên hệ thống thông tin đại chúng.

3. Sở Tài chính:

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, Thuế tỉnh Nghệ An, Ban Quản lý Khu kinh tế Đông Nam Nghệ An, Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chính sách hỗ trợ đầu tư đối với nhà đầu tư có dự án đầu tư thuộc ngành nghề thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn xây dựng, bùn thải từ bể phốt, hầm cầu, bùn thải từ hệ thống thoát nước trên địa bàn tỉnh;

b) Tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, bố trí kinh phí thực hiện nhiệm vụ quản lý chất thải rắn xây dựng, bùn thải từ bể phốt, hầm cầu, bùn thải từ hệ thống thoát nước trên địa bàn tỉnh thuộc trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định;

c) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan thẩm định, trình phê duyệt quyết định chủ trương đầu tư, cấp giấy chứng nhận đầu tư đối với các dự án đầu tư xử lý chất thải rắn xây dựng, bùn thải từ bể phốt, hầm cầu, bùn thải từ hệ thống thoát nước ở ngoài khu kinh tế và các khu công nghiệp theo quy định;

d) Căn cứ nguồn vốn và khả năng cân đối vốn, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí vốn cho các dự án xử lý chất thải rắn xây dựng, bùn thải từ bể phốt, hầm cầu, bùn thải từ hệ thống thoát nước trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật về đầu tư công.

4. Sở Khoa học và Công nghệ:

Phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan thẩm định về công nghệ đối với các dự án đầu tư xử lý chất thải rắn xây dựng, bùn thải từ bể phốt, hầm cầu và bùn thải từ hệ thống thoát nước khi nhận được đề nghị của các cơ quan quản lý về đầu tư; tham mưu lựa chọn các dự án có công nghệ hiện đại, có quy mô lớn, có kết hợp công nghệ thu hồi chất thải.

5. Ban Quản lý Khu kinh tế Đông Nam Nghệ An:

a) Hướng dẫn chủ nguồn thải, chủ vận chuyển và chủ xử lý chất thải rắn xây dựng, bùn thải từ bể phốt, hầm cầu và bùn thải từ hệ thống thoát nước hoạt động trên địa bàn Khu kinh tế Đông Nam và các khu công nghiệp tuân thủ Quy định này và các quy định pháp luật có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ được giao;

b) Kiểm tra, giám sát hoạt động quản lý chất thải rắn xây dựng, bùn hầm cầu của chủ nguồn thải và hoạt động thu gom, vận chuyển chất thải rắn xây dựng, bùn hầm cầu trong Khu kinh tế Đông Nam và các khu công nghiệp. Xử lý

các hành vi vi phạm theo thẩm quyền hoặc thông báo cơ quan có thẩm quyền để xử lý theo quy định;

c) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan thẩm định, trình phê duyệt quyết định chủ trương đầu tư, cấp giấy chứng nhận đầu tư đối với các dự án đầu tư xử lý chất thải rắn xây dựng, bùn thải từ bể phốt, hầm cầu, bùn thải từ hệ thống thoát nước trong Khu kinh tế Đông Nam và các khu công nghiệp theo quy định;

d) Phối hợp với Sở Tài chính và các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chính sách hỗ trợ đầu tư đối với nhà đầu tư có dự án đầu tư thuộc ngành nghề thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải trên địa bàn Khu kinh tế Đông Nam;

đ) Phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã và các sở, ngành có liên quan xác định vị trí các điểm tập kết chất thải rắn xây dựng, khu xử lý chất thải rắn xây dựng, khu xử lý bùn thải từ bể phốt, hầm cầu, bùn thải từ hệ thống thoát nước phù hợp với quy hoạch xây dựng, quy hoạch sử dụng đất trong Khu kinh tế và các khu công nghiệp đảm bảo yêu cầu về an toàn, vệ sinh môi trường trên địa bàn quản lý.

6. Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch:

Chỉ đạo các cơ quan thông tấn, báo chí, hệ thống thông tin cơ sở đa dạng các hoạt động, nội dung, hình thức tuyên truyền nâng cao nhận thức cộng đồng về quản lý chất thải rắn xây dựng, bùn thải từ bể phốt, hầm cầu và bùn thải từ hệ thống thoát nước theo Quy định này.

7. Công an tỉnh:

Thực hiện công tác phòng, chống, đấu tranh, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường; kịp thời ngăn chặn và xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm về quản lý chất thải rắn xây dựng, bùn thải từ bể phốt, hầm cầu và bùn thải từ hệ thống thoát nước theo quy định của pháp luật.

8. Thuế tỉnh Nghệ An:

Phối hợp với Sở Tài chính và các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chính sách hỗ trợ đầu tư đối với nhà đầu tư có dự án đầu tư thuộc ngành nghề thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn xây dựng, bùn thải từ bể phốt, hầm cầu và bùn thải từ hệ thống thoát nước.

9. Các sở, ban, ngành khác:

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, phối hợp, hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp xã và các đơn vị trực thuộc trong tổ chức thực hiện công tác quản lý chất thải rắn xây dựng, bùn thải từ bể phốt, hầm cầu và bùn thải từ hệ thống thoát nước; đồng thời tham gia kiểm tra, xử lý hoặc tham mưu xử lý các vấn đề

phát sinh có liên quan thuộc phạm vi quản lý chuyên ngành theo thẩm quyền được Ủy ban nhân dân tỉnh giao.

Điều 22. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Tổ chức quản lý chất thải rắn xây dựng, bùn thải từ bể phốt, hầm cầu và bùn thải từ hệ thống thoát nước trên địa bàn theo Quy định này và các quy định hiện hành của pháp luật.

2. Rà soát, cập nhật, bổ sung vào các hồ sơ quy hoạch xây dựng, kế hoạch sử dụng đất để quy hoạch, bố trí các điểm tập kết chất thải rắn xây dựng, khu xử lý chất thải rắn xây dựng, khu xử lý bùn thải từ bể phốt, hầm cầu, bùn thải từ hệ thống thoát nước theo quy định.

3. Rà soát, lựa chọn, bố trí quỹ đất quy hoạch vị trí, địa điểm tập kết, lưu giữ chất thải rắn xây dựng, bùn thải từ hệ thống thoát nước khi chưa có khu xử lý, gắn với quy hoạch xây dựng khu vực và đảm bảo các yêu cầu về an toàn, vệ sinh môi trường trên địa bàn quản lý.

4. Kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về quản lý chất thải rắn xây dựng, bùn thải từ bể phốt, hầm cầu, bùn thải từ hệ thống thoát nước trên địa bàn; xử lý vi phạm theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý; tiếp nhận và giải quyết các phản ánh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân có liên quan đến quản lý chất thải rắn xây dựng, bùn thải từ bể phốt, hầm cầu, bùn thải từ hệ thống thoát nước.

5. Xây dựng và tổ chức thực hiện các phương án, kế hoạch ứng phó sự cố môi trường liên quan đến chất thải rắn xây dựng, bùn thải từ bể phốt, hầm cầu, bùn thải từ hệ thống thoát nước trên địa bàn.

6. Báo cáo kết quả công tác quản lý rắn xây dựng, bùn thải bể phốt, hầm cầu, bùn thải từ hệ thống thoát nước hàng năm được tích hợp trong báo cáo công tác bảo vệ môi trường theo quy định tại Điều 118 Luật Bảo vệ môi trường và điểm a khoản 11 Điều 26 Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT; đồng thời thực hiện báo cáo đột xuất khi có yêu cầu của Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc Sở Nông nghiệp và Môi trường.

Điều 23. Điều khoản thi hành

1. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các cấp, các cơ quan, đơn vị và tổ chức, cá nhân có liên quan triển khai thực hiện Quy định này.

2. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị và tổ chức, cá nhân có liên quan kịp thời phản ánh về Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định/.